# ĐỀ CƯƠNG ÔN THI MÔN LỊCH SỬ

# A. PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM

# I. GIAI ĐOẠN1919- 1930

***Câu 1.  Nguyên nhân, chính sách khai thác bóc lột của thực dân Pháp trong đợt khai thác thuộc địa lần thứ hai.***

**a. Nguyên nhân:**

- Sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914- 1918) đế quốc Pháp tuy là nước thắng trận, nhưng nền kinh tế bị tàn phá nặng nề.  Các ngành sản xuất công, nông, thương nghiệp và giao thông vận tải giảm sút nghiêm trọng.  Các khoản đầu tư vào nước Nga bị mất trắng, đồng phrăng mất giá…

- Cuộc khủng hoảng thiếu trong các nước tư bản sau chiến tranh thế giới thứ nhất càng làm cho nền kinh tế Pháp gặp nhiều khó khăn.  Pháp trở thành con nợ lớn trước hết là của Mỹ.  Vị thế cường quốc trong hệ thống tư bản chủ nghĩa của Pháp bị suy giảm nghiêm trọng.  Vì vậy Pháp cần phát triển vươn lên để khẳng định lại vị thế của mình.

- Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, nhu cầu về nguyên liệu (cao su), nhiên liệu (than đá) rất cao, và đó cũng là ngành thu lợi nhuận cao.

**b. Mục đích:** Để bù đắp lại những thiệt hại to lớn do chiến tranh gây ra và nhằm củng cố lại địa vị kinh tế của Pháp trong hệ thống tư bản chủ nghĩa. Một mặt đế quốc Pháp đẩy mạnh sản xuất và bóc lột nhân dân lao động trong nước, mặt khác chúng đẩy mạnh khai thác thuộc địa, trong đó có thuộc địa Đông Dương.

**c. Nội dung chương trình khai thác:**

\***Về thời gian.** Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Đông Dương chính thức được triển khai từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất và kéo dài cho đến trước cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933)

\***Đặc điểm.** Đặc điểm nổi bậc nhất so với đợt khai thác lần thứ nhất là trong chương trình khai thác lần này Pháp chủ trương đầu tư một cách ồ ạt, trên quy mô lớn và tốc độ nhanh chưa từng thấy .  Chỉ tính từ 1924 đến 1929, tổng số vốn đầu tư vào nước ta đã tăng lên gấp 6 lần so với 20 năm trước chiến tranh.

\***Nội dung chương trình khai thác.** Thực dân Pháp chủ trương đầu tư khai thác vào trong tất cả các ngành, song hai ngành được chú trọng đầu tư nhiều nhất đó là nông nghiệp và công nghiệp.

- Trong nông nghiệp: Chúng đẩy mạnh việc cướp đoạt ruộng đất của nông dân để lập các đồn điền mà chủ yếu là đồn điền lúa và cao su. Năm 1927, vốn đầu tư vào nông nghiệp của Pháp là 400 triệu Phrăng (gấp 10 lần trước chiến tranh); diện tích trồng cao su tăng từ 15 ngàn hécta năm 1918 l, lên 120 ngàn hécta năm 1930.

- Trong công nghiệp: Chúng đẩy mạnh việc khai thác mỏ (chủ yếu là mỏ than)….  đồng thời mở thêm một số xí nghiệp công nghiệp chế biến như giấy, gỗ, diêm, rượu, xay xát), hoặc dịch vụ điện, nước…. . vừa nhằm tận dụng nguồn nhân công rẽ mạt, vừa tận dụng nguồn nguyên liệu dồi dào để phục vụ nhu cầu tại chỗ để kiếm lợi nhuận.

\*Pháp chú ý khai thác hai ngành này là vì:

+Chỉ cần bỏ vốn ít mà thu lợi nhuận cao, thu hồi vốn nhanh.

+Không làm ảnh hưởng đến sự phát triển của nền công nghiệp chính quốc.

- Về thương nghiệp: Pháp độc chiếm thị trường Việt Nam, nắm độc quyền về xuất nhập khẩu bằng cách đánh thuế nặng vào hàng hóa các nước ngoài, chủ yếu là của Trung Quốc và Nhật Bản, còn hàng hóa của Pháp thì được tự do đưa vào Đông Dương với mức thuế rất thấp.

- Về giao thông vận tải: Đầu tư mở thêm nhiều tuyến đường mới như đường sắt, đường thủy, đường bộ, nối các trung tâm kinh tế, các khu vực khai thác nguyên liệu, để phục vụ cho công cuộc khai thác và mục đích quân sự.

- Về tài chính:

+Ngân hàng Đông Dương chi phối toàn bộ các hoạt động kinh tế Đông Dương.

+ Pháp ra sức vơ vét bóc lột nhân dân ta bằng hình thức cổ truyền đó là thuế, đặc bệt là thuế thân, thuế rượu, thuế muối, thuốc phiện vô cùng man rợ.

Tóm lại, chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của tư bản Pháp có điểm mới so với lần trước là tăng cường đầu tư vốn, kỹ thuật và mở rộng sản xuất để kiếm lời song về cơ bản vẫn không thay đổi: Hết sức hạn chế sự phát triển công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp nặng, nhằm cột chặt nền kinh tế Đông Dương với kinh tế Pháp và biến Đông Dương thành thị trường độc chiếm của tư bản Pháp.

***Câu 2. Tình hình phân hóa xã hội Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất. Thái độ chính trị và khả năng cách mạng của từng tầng lớp, giai cấp.***

Dưới tác động của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp đã làm cho xã hội Việt Nam bị phân hóa sâu sắc hơn: Bên cạnh những giai cấp cũ vẫn còn tồn tại và bị phân hóa như địa chủ phong kiến và nông dân, giờ đây xuất hiện những tầng lớp giai cấp mới: Tư sản; Tiểu tư sản; giai cấp công nhân.  Mỗi tầng lớp, giai cấp có quyền lợi và địa vị khác nhau, nên cũng có thái độ chính trị và khả năng cách mạng khác nhau trong cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp.

**a. Giai cấp địa chủ phong kiến:**

Là chỗ dựa chủ yếu của Pháp,được Pháp dung dưỡng nên ngày càng câu kết chặt chẽ với Pháp trong việc cướp đoạt ruộng đất, tăng cường bóc lột về kinh tế và đàn áp về chính trị đối với nhân dân.  Vì thế chúng **không có khả năng cách mạng**.  Tuy nhiên họ là người Việt Nam, nên cũng có một bộ phận nhỏ hoặc cá nhân có tinh thần yêu nước và sẵn sàng tham gia cách mạng khi có điều kiện.

**b. Giai cấp nông dân:**

Chiếm trên 90% dân số, họ bị đế quốc và phong kiến bóc lột nặng nề, nên bị bần cùng hóa và phá sản trên quy mô lớn, họ căm thù thực dân và phong kiến. Vì vậy giai cấp nông dân việt Nam là **lực lượng đông đảo và hăng hái nhất của cách mạng**

**c. Giai cấp tư sản**

Ra đời sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, chủ yếu là tiểu chủ trung gian làm thầu khoán, cung cấp nguyên vật liệu, hay làm đại lý hàng hóa cho Pháp. Do quyền lợi kinh tế và thái độ chính trị nên giai cấp tư sản Việt Nam chia làm hai bộ phận:

- Bộ phận tư sản mại bản: Có quyền lợi gắn liền với đế quốc nên câu kết chặt chẽ với đế quốc.

- Bộ phận tư sản dân tộc: Có khuynh hướng làm ăn riêng, kinh doanh độc lập,bị Pháp chèn ép nên ít nhiều **có tinh thần dân tộc, dân chủ nhưng yếu kém dễ thỏa hiệp.**

**d. Tầng lớp tiểu tư sản:**

Ra đời cùng thời gian với giai cấp tư sản, gồm nhiều thành phần như học sinh, sinh viên, viên chức, tri thức, những người làm nghề tự do, buôn bán nhỏ…. . thường xuyên bị bọn đế quốc bạc đãi, khinh rẽ, đời sống bấp bênh gặp nhiều khó khăn, dễ bị xô đẩy vào con đường phá sản và thất nghiệp. Trong đó bộ phận tri thức, học sinh, sinh viên có điều kiện tiếp xúc với những trào lưu tư tưởng tiến bộ từ bên ngoài.  Vì thế họ là **lực lượng hăng hái nhất, thường đi đầu trong các phong trào, là lực lượng quan trọng của cách mạng.**

**e. Giai cấp công nhân:**

Ra đời trong đợt khai thác thuộc địa lần thứ nhất, phát triển nhanh chóng về số lượng và chất lượng trong đợt khai thác thuộc địa lần thứ hai (trước chiến tranh có 10 vạn, đến năm 1929 có hơn 22 vạn)

Ngoài những đặc điểm chung của giai cấp công nhân quốc tế, như đại diện cho lực lượng sản xuất tiến bộ nhất của xã hội, có hệ tư tưởng riêng, có điều kiện lao động và sinh sống tập trung, có ý thức tổ chức và kỹ luật cao, tinh thần cách mạng triệt để …giai cấp công nhân Việt Nam còn có những đặc điểm riêng

- Bị ba tầng áp bức bóc lột của đế quốc, phong kiến và tư sản người Việt.

- Có quan hệ tự nhiên gắn bó với giai cấp nông dân.

- Kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng, bất khuất của dân tộc.

- Có điều kiện tiếp thu chủ nghĩa Mac- Lê Nin và trào lưu cách mạng thế giới , đặc biệt là Cách mạng tháng Mười Nga.

- Do hoàn cảnh ra đời, cùng với những phẩm chất nói trên, giai cấp công nhân Việt Nam sớm trở thành một lực lượng xã hội độc lập và tiên tiến nhất.  Vì vậy **giai cấp công nhân hoàn toàn có khả năng nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng.**

***Câu 3. Nguyễn Ái Quốc và vai trò của Người đối với việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập chính Đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam.***

**1. Vài nét về tiểu sử:**

Nguyễn Ái Quốc, hồi nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung, lớn lên đổi là Nguyễn Tất Thành.  Sinh ngày 19/5/1890 ở thôn Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Người sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo yêu nước, trên quê hương giàu truyền thống đấu tranh cách mạng, lớn lên trong cảnh nước nhà bị thực dân Pháp đô hộ và xâm lược.  Người có điều kiện tiếp xúc với các nhà cách mạng đương thời, và sớm nhận thấy những hạn chế trong chủ trương cứu nước của các bậc tiền bối, nên Người quyết định sang phương Tây tìm đường cứu nước.

**2. Hành trình tìm đường cứu nước (từ 1911 đến 1920)**

- Ngày 5/6/1911,từ cảng nhà Rồng (Sài Gòn), lấy tên là Nguyễn Văn Ba, Người làm phụ bếp cho chiếc tàu vận tải Latusơ Têrơvin (tàu buôn của Pháp) và bắt đầu cuộc hành trình tìm đường cứu nước.

- Từ 1911 đến 1917, Người đến hầu khắp các châu lục âu, Phi, Mỹ cuối năm 1917 Người trở lại Pháp.  Sau nhiều năm bôn ba ở hải ngoại đã giúp người nhận rõ đâu là bạn, đâu là thù. (Nhận xét quan trọng đầu tiên của Người là : Bất luận ở đâu cũng chỉ có hai loại người, đó là: Thiểu số đi áp bức bóc lột còn đại đa số quần chúng nhân dân lao động là những người bị áp bức bóc lột. Giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở đâu cũng là bạn còn chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là thù)

- Năm 1917 Cách mạng tháng Mười Nga thành công, đã ảnh hưởng đến hoạt động cứu nước của người.

- Năm 1919, người gửi đến hội nghị Vecxai bản yêu sách 8 điểm, đòi quyền tự do dân chủ, quyền bình đẳng và quyền tự quyết cho dân tộc.  Đây là đòn trực diện đầu tiên giáng vào bọn đế quốc và gây tiếng vang lớn đối với nhân dân Việt Nam, nhân dân Pháp và nhân dân các thuộc địa Pháp.

- Tháng 7/1920, Người đọc “Sơ thảo luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa” của Lê Nin.  Luận cương đã vạch ra đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng giải phóng dân tộc, đồng thời khẳng định lập trường ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở phương Đông của Quốc tê cộng sản.  Từ đó người hoàn toàn tin theo Lê Nin, đứng về Quốc tế thứ ba.

- Tháng 12/1920, tại Đại hội Đảng xã hội Pháp họp ở Tour, Người bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế ba và tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp.  Đây là bước ngoặc lơn trong cuộc đời hoạt động của Người.  Từ một người Việt Nam yêu nước đã trở thành người cộng sản quốc tế.

Như vậy sau nhiều năm bôn ba ở hải ngoại, Người đã tìm ra được con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc, đó là con đường kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, kết hợp tinh thần yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản.

***3. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập chính Đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam.***

**a. Quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng:**

- Năm 1921, Người sáng lập “Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa” để đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc.

- Năm 1922, Hội ra tờ báo “Người cùng khổ”, để vạch trần chính sách đàn áp bóc lột dã man của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm thức tỉnh các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh tự giải phóng.

- Năm 1923, Người đi Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân, sau đó làm việc ở Quốc tế cộng sản ….

- Năm 1924, Người dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế cộng sản, và đọc tham luận tại Đại hội….

Trong giai đoạn này, những hoạt động của Người chủ yếu trên mặt trận chính trị tư tưởng nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác- Lê Nin vào nước ta.  Những tư tưởng mà người truyền bá sẽ là nền tảng tư tưởng của Đảng ta sau này.  Những tư tưởng đó là:

- Chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù chung của giai cấp vô sản và nhân dân các nước thuộc địa.

- Chỉ có làm cách mạng đánh đổ chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc thì mới có thể giải phóng giai cấp vô sản và nhân dân các nước thuộc địa.  Đó chính là mối quan hệ giữa cách mạng chính quốc và cách mạng thuộc địa.

- Xác định giai cấp công nhân và nông dân là lực lượng nòng cốt của cách mạng.

- Giai cấp công nhân có đủ khả năng lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng cộng sản được vũ trang bằng học thuyết Mác- LêNin.

**b. Sự chuẩn bị về tổ chức:**

- Tháng 12/1924, Người từ Liên Xô về Quảng Châu (Trung Quốc) để trực tiếp chuẩn bị về tổ chức cho việc thành lập chính Đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam.

- Khi về đến Quảng Châu, Người đã tiếp xúc với các nhà cách mạng Việt Nam đang hoạt động ở đây.  Người chọn một số thanh niên hăng hái trong tổ chức “Tâm tâm xã***”*** (Tổ chức của những người Việt Nam yêu nước tại Quảng Châu), và những thanh niên hăng hái từ trong nước mới sang theo tiếng gọi của tiếng bom Sa Diện của Phạm Hồng Thái, để thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6/1925) mà nòng cốt là Cộng sản đoàn, tổ chức tiền thân của Đảng.

- Tại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc đã mở nhiều lớp huấn luyện để đào tạo và  bồi dưỡng cán bộ cách mạng.  Những bài giảng của người được in và xuất bản thành sách “Đường Kách mệnh”1927

- Từ ngày 3 đến 7/2/1930, tại Cửu Long (Hương cảng Trung Quốc) Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng cộng sản Việt Nam.

Tóm lại, những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đã có tác dụng quyết định trong việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập chính Đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam.

**Câu 4. Những nét chính về quá trình hình thành ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Ý nghĩa lịch sử của sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản.**

**a.Hoàn cảnh lịch sử:**

\***Thế giới:**

- Cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc phát triển mạnh, vụ phản biến của Tưởng Giới Thạch làm cho công xã Quảng Châu thất bại đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho cách mạng Việt Nam.

- Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản với những nghị quyết quan trọng về phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa.

**\*Trong nước:**

- Từ cuối năm 1928 đầu năm 1929 phong trào dân tộc dân chủ ở nước ta phát triển mạnh.  Đặc biệt là phong trào công nông theo khuynh hướng vô sản, gai cấp công nhân thật sự trưởng thành, đặt ra yêu cầu cấp thiết là phải có Đảng cộng sản để kịp thời lãnh đạo phong trào.

- Lúc này Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn đủ sức lãnh đạo nên trong nội bộ của Hội diễn ra một cuộc đấu tranh gay gắt xung quanh vấn đề thành lập Đảng.  Hoàn cảnh đó dẫn đến sự phân hóa của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và  tổ chức Tân Việt dẫn đến sự ra đời của ba tổ chức cộng sản trong năm 1929.

**b. Quá trình thành lập:**

**\*Đông Dương cộng sản đảng:**

- Cuối tháng 3/1929 một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Bắc kì, trong đó có Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh thành lập chi bộ cộng sản  đầu tiên gồm 7 người, tại số nhà 5D phố Hàm Long -  Hà Nội.

- Tháng 5/1929 tại Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên họp ở Hương Cảng, đoàn đại biểu Bắc Kì đưa ra đề nghị thành lập Đảng cộng sản  nhưng không được chấp nhận, họ bỏ đại hội về nước.

- Tháng 6/1929 nhóm trung kiên cộng sản Bắc Kì đã họp tại số nhà 312 phố Khâm Thiêm - Hà Nội quyết định thành lập Đông Dương cộng sản đảng, thông qua tuyên ngôn, Điều lệ Đảng, báo Búa liềm và hoạt động chủ yếu ở Bắc Kì

**\*An Nam cộng sản đảng**: Sự ra đời và hoạt động của Đông Dương cộng sản đảng đã ảnh hưởng tích cực đến bộ phận còn lại của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Nam Kì.  Tháng 9/1929 số hội viên còn lại của Hội ở Nam Kì quyết định thành lập An Nam cộng sản đảng.

**\*Đông Dương cộng sản liên đoàn:** Sự ra đời và hoạt động của Đông Dương cộng sản đảng và An Nam cộng sản đảng đã đẩy nhanh quá trình phân hóa của tổ chức Tân Việt.  Tháng 9/1929 các hội viên tiên tiến của Tân Việt quyết định thành lập Đông Dương cộng sản liên đoàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kì.

**c. Ý nghĩa lịch sử của sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam.**

- Đánh dấu sự trưởng thành của giai cấp công nhân Việt Nam.

- Chứng tỏ xu hướng cách mạng vô sản đang phát triển mạnh mẽ ở nước ta.

- Là bước chuẩn bị trực tiếp cho việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam.